

Thứ ba, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Hồi phục mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/7/2021		•	
Tuần 19/7-23/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng lực cầu gia tăng từ giữa phiên chiều đã giúp chỉ số có phiên hồi phục tích cực. Dòng tiền đầu tư cải thiện trở lại với 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản suy giảm so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể duy trì lực cầu trong những phiên tiếp theo và hướng tiếp về khu vực gần ngưỡng 1300.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: LIX_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +29.78 điểm, đóng cửa 1273.29. HNX-Index +9.05 điểm, đóng cửa 301.11.
- Kéo chỉ số tăng: HPG (+3.76); VCB (+3.22); VHM (+2.04); GVR (+1.77); BID (+1.47).
- Kéo chỉ số giảm: BCM (-0.16); APH (-0.13); KDH (-0.06); VRE (-0.06); PSH (-0.05).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 16,651 tỷ đồng, -16.94% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 17,879 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 47.77 điểm. Thị trường có 281 mã tăng, 40 mã tham chiếu và 94 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -325.17 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSB (-120.8 tỷ), VIC (-113.8 tỷ) và NVL (-107.4 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 343.26 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1273.29**
Giá trị: 13450.46 tỷ 29.78 (2.39%)
Khối ngoại (ròng): -325.17 tỷ

HNX-INDEX **301.11**
Giá trị: 2908.73 tỷ 9.05 (3.1%)
Khối ngoại (ròng): 343.26 tỷ

UPCOM-INDEX **83.69**
Giá trị: 704.9 tỷ 1.1 (1.33%)
Khối ngoại (ròng): -1.2 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	66.5	0.12%
Giá vàng	1,815	0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,017	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,122	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	20,996	-0.23%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	11.45%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.18%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	70.7	MSB	-120.8
HPG	57.5	VIC	-113.8
HSG	50.1	NVL	-107.4
FUEVFVN	41.5	VRE	-82.6
GEX	39.7	KDH	-68.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	66.91	0.74%	-11.10%	-5.50%	55.46%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.90	0.41%	-9.90%	-5.30%	47.63%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	212.00	0.45%	-8.60%	-0.90%	60.28%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1819.10	0.36%	0.60%	3.10%	-7.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.24	0.26%	-2.90%	-2.10%	7.43%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1386.75	1.02%	2.60%	10.70%	55.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	705.50	1.11%	11.30%	9.70%	29.15%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.67	0.00%	-7.80%	-4.40%	-0.48%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	190.14	-2.85%	-1.80%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.07	-3.61%	0.50%	-0.80%	42.49%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	156.40	-3.07%	1.60%	0.60%	42.05%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9222.00	-2.17%	-2.00%	-1.00%	42.15%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	853.07	-1.34%	1.70%	7.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	908.91	-1.71%	0.60%	8.60%			
Nhôm	USD/ton	2425.50	-2.53%	-2.60%	1.10%	45.72%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	188.66	-0.41%	0.90%	-0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	148.80	1.43%	13.70%	29.10%	117.38%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 giảm 4.97 USD hay 6.8% xuống 68.62 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2021 giảm 5.39 USD hay 7.5% xuống 66.42 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 9/2021 giảm 5.21 USD xuống 66.35 USD/thùng.
- Tiêu thụ tại Mỹ, nước tiêu dùng nhiên liệu lớn nhất thế giới đã tăng ổn định trong những tuần gần đây, nhưng Ấn Độ, quốc gia nhập khẩu dầu lớn thứ 3 thế giới đã cắt giảm nhập khẩu do dư cung và lo sợ nhu cầu giảm.
- Tổ chức OPEC+ đã đạt được một thỏa hiệp trong ngày 18/7 để tăng nguồn cung dầu từ tháng 8 nhằm hạ nhiệt giá đã đạt mức cao nhất trong hơn 2 năm vào tháng này. Hiện tại OPEC+ đang cắt giảm 5.8 triệu thùng dầu mỗi ngày ra thị trường, con số này sẽ giảm xuống 2 triệu thùng/ngày vào cuối năm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,807.59 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 giảm 0.3% xuống 1,809.2 USD/ounce.
- Tâm lý trên các thị trường rủi ro hơn bị ảnh hưởng bởi những lo ngại về sự gia tăng số ca nhiễm virus corona gần đây đã buộc nhiều nước Châu Á áp đặt các biện pháp phong tỏa và áp lực lạm phát ngày càng tăng.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên giảm 1.5% xuống 2,663 CNY/tấn. giá quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% Fe ở Trung Quốc tăng 1.5 USD lên 223 USD/tấn trong ngày 16/7.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải tăng 0.8% lên 5,568 CNY (859.42 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.1% xuống 5,926 CNY/tấn. Sản lượng thép thô Trung Quốc trong tháng 6/2021 giảm 5.6% so với mức cao kỷ lục trong tháng 5/2021
- Công suất hoạt động của các lò cao tại 163 nhà máy thép Trung Quốc đã giảm xuống 76.81% tính tới ngày 16/7 từ 77.61% trong tuần trước, so với mức 85.6% trong cùng giai đoạn này một năm trước.
- Hiện nay, những yếu tố lớn nhất ảnh hưởng tới giá thép là chính sách kiểm soát sản lượng thép thô đang dần được thực hiện và mở rộng. Nhiệt độ cao tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc cũng hạn chế sản lượng thép.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn Osaka giảm 0.8 JPY hay 0.4% xuống 214.1 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2% lên 13,500 CNY/tấn. Số ca nhiễm Covid-19 mới tại Tokyo trong ngày 18/7 đạt 1,410, cao nhất kể từ đầu năm nay, với số người nhiễm vượt 1,000 người ngày thứ 5 liên tiếp.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE giảm 4.95 US cent hay 3.1% xuống 1.564 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London giảm 35 USD hay 2% xuống 1,732 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London giảm 19.4 USD hay 4.2% xuống 443.8 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE giảm 0.64 US cent hay 3.6% xuống 17.07 US cent/lb.

	20/7	% 20/7	19/7	% 19/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1273.29	2.39%	1243.51	-4.29%	-1.87%	-7.58%
S&P 500			4258.49	-1.59%	-2.88%	0.82%
HĐTL S&P500	4275.00	0.56%	4251.20	-1.56%	-1.98%	1.49%
Shang- hai	3536.79	-0.07%	3539.12	-0.01%	-0.83%	0.33%
Euro Stoxx	3957.43	0.74%	3928.53	-2.66%	-3.35%	-3.08%

Phân tích kỹ thuật
LIX_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: LIX đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn đi ngang tích lũy tại khu vực 55-57. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI vừa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể có nhịp điều chỉnh nhẹ trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của LIX nằm tại khu vực 57.5-58. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 65, cắt lỗ nếu ngưỡng 57 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

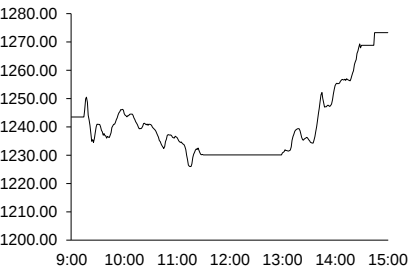
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	5.99%
Dịch vụ tài chính	5.60%
Bán lẻ	4.19%
Truyền thông	4.13%
Hóa chất	3.85%
Bảo hiểm	3.07%
Ngân hàng	2.90%
Công nghệ Thông tin	2.37%
Ô tô và phụ tùng	2.17%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.07%
Thực phẩm và đồ uống	1.44%
Xây dựng và Vật liệu	1.16%
Bất động sản	1.12%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.88%
Du lịch và Giải trí	0.88%
Dầu khí	0.66%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.50%
Y tế	0.32%
Viễn thông	0.00%

Hình 1

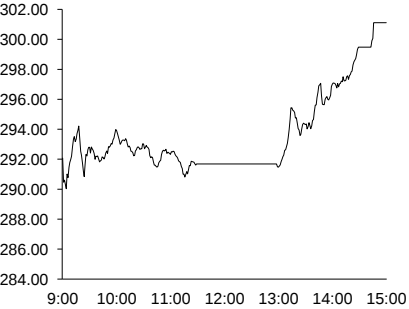
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

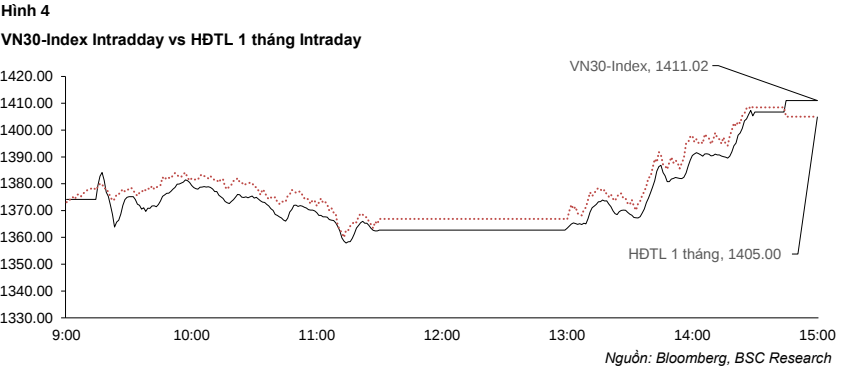
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/19/2021	CTR	75	85	69.3	74.9	1	-0.13%	Có thể tiếp tục mua
7/16/2021	PDR	90.2	106.5	85	89.9	4	-0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/15/2021	ACB	32.75	38	30	33.9	5	3.51%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/14/2021	ACV	75	84	72	73.4	6	-2.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/13/2021	KBC	32.5	40	30	32.5	7	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	40.9	8	7.63%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	17.2	11	-4.44%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	164.6	13	-0.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	47.35	14	4.30%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	30.35	36	11.99%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	24.7	50	-10.51%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/29/2021	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	6	5.49%	-3.05%	0.83%	14
Cổ phiếu đã chốt	160	108	13.64%	-7.91%	4.96%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1405.00	2.70%	-6.02	16.4%	358,081	19/08/2021	32
VN30F2109	1406.80	2.69%	-4.22	-0.8%	781	16/09/2021	60
VN30F2112	1405.10	2.74%	-5.92	55.7%	204	16/12/2021	151
VN30F2203	1401.40	0.23%	-9.62	68.4%	64	17/03/2022	242

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +36.87 điểm, lên 1411.02 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, MWG, HDB, MSN tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch gần co quanh 1365-1380 điểm, trước khi tăng tích cực cuối phiên lên quanh 1410 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2012	30/07/2021	10	1:1	199,900	40.48%	5,400	26,950	1.32%	27,529	0.98	27,400	22,000	49,500
CTCB2101	05/10/2021	77	1:1	141,200	40.48%	5,000	22,950	1.15%	18,821	1.22	36,000	31,000	49,500
CVPB2103	09/08/2021	20	2:1	228,700	39.29%	2,700	12,500	2.46%	12,097	1.03	41,900	36,500	60,600
CTCB2103	09/08/2021	20	2:1	317,200	40.48%	2,900	7,550	4.86%	7,046	1.07	41,300	35,500	49,500
CSTB2103	09/08/2021	20	2:1	384,100	46.15%	1,400	5,200	13.04%	5,073	1.02	20,800	18,000	28,100
CHPG2105	09/08/2021	20	2:1	151,900	39.18%	3,000	11,400	12.76%	2,793	4.08	48,000	42,000	47,300
CMWG2102	02/08/2021	13	5:1	155,600	34.05%	3,000	8,500	18.55%	8,961	0.95	135,000	120,000	164,600
CHPG2108	12/08/2021	23	5:1	411,200	39.18%	1,200	2,870	14.80%	4	743.52	48,124	43,713	47,300
CMWG2104	22/03/2022	245	10:1	157,600	34.05%	2,400	6,140	5.86%	3,852	1.59	159,000	135,000	164,600
CVPB2015	30/07/2021	10	1:1	25,200	39.29%	5,600	34,570	1.23%	34,634	1.00	31,600	26,000	60,600
CPNJ2102	02/08/2021	13	5:1	311,200	31.60%	2,000	2,800	3.70%	2,430	1.15	90,000	80,000	92,000
CMWG2105	27/08/2021	38	8:1	142,800	34.05%	2,950	5,190	23.57%	4,232	1.23	155,100	131,500	164,600
CHPG2107	12/08/2021	23	5:1	251,000	39.18%	1,300	2,920	15.42%	4	722.77	48,463	43,684	47,300
CPDR2101	27/09/2021	69	5:1	237,100	38.41%	1,100	3,040	13.01%	1,034	2.94	94,388	88,888	89,900
CMSN2103	13/08/2021	24	6:1	103,200	38.94%	3,000	5,840	6.96%	5,879	0.99	106,000	88,000	123,000
CKDH2002	16/08/2021	27	4:1	143,600	32.77%	1,600	3,600	-0.28%	2,416	1.49	30,666	24,848	36,900
CKDH2102	13/08/2021	24	2:1	89,900	32.77%	2,800	4,790	-9.28%	2,958	1.62	33,364	28,273	36,900
CPDR2102	27/09/2021	69	5:1	123,900	38.41%	1,100	3,810	11.08%	1,363	2.80	94,499	88,999	89,900
CVPB2104	27/08/2021	38	3:1	62,300	39.29%	2,500	6,510	-5.52%	3,988	1.63	56,500	49,000	60,600
CHPG2106	27/08/2021	38	2:1	41,200	39.18%	4,100	8,880	4.47%	674	13.17	42,937	36,908	47,300
Tổng				3,478,900	37.64%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/7/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CMWG2105 và CMWG2102 tăng mạnh lần lượt là 23.57% và 18.55%. Trái lại, CVRE2013 và CKDH2102 giảm mạnh lần lượt là -44.00% và -9.28%. Giá trị giao dịch giảm -29.88%. CTCTB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.72% thị trường.
- CMWG2102, CTCTB2012, CMSN2103, CVPB2015 và CSTB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCTB2012, và CTCTB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	164.6	5.2%	0.8	3,402	7.4	9,051	18.2	4.5	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	92.0	0.4%	0.9	909	3.1	4,974	18.5	3.6	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	49.9	4.0%	1.5	1,611	1.7	2,548	19.6	1.8	26.9%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	37.5	1.9%	0.5	364	0.0	3,809	9.8	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	103.0	0.1%	0.7	15,147	9.4	2,174	47.4	4.3	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	26.7	-0.4%	1.1	2,638	7.6	1,175	22.7	2.0	30.6%	9.3%
VHM	Bất động sản	106.6	2.2%	1.0	15,246	18.5	7,874	13.5	3.8	23.3%	33.6%
DXG	Bất động sản	20.3	1.0%	1.3	457	7.0	(61)		1.6	28.2%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	52.7	6.9%	1.5	1,501	33.6	2,776	19.0	3.0	48.5%	16.2%
VCI	Chứng khoán	50.4	3.9%	1.0	730	17.5	2,851	17.7	3.4	20.8%	22.1%
HCM	Chứng khoán	47.5	6.7%	1.6	630	11.5	2,462	19.3	3.0	48.1%	16.4%
FPT	Công nghệ	86.8	2.5%	0.9	3,425	9.5	4,103	21.2	4.7	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	76.0	0.0%	0.4	1,085	0.0	4,304	17.7	5.3	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	89.0	2.7%	1.3	7,406	2.5	3,946	22.6	3.4	2.8%	14.9%
PLX	Dầu khí	49.4	0.7%	1.5	2,669	4.0	2,915	16.9	2.6	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	22.8	1.3%	1.7	474	12.3	1,375	16.6	0.9	7.7%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.9	1.2%	0.8	2,278	8.3	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	93.0	-1.0%	0.4	529	0.1	5,761	16.1	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	21.8	4.8%	0.8	371	1.3	1,928	11.3	1.1	14.0%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.5	5.1%	0.7	402	2.6	1,122	15.6	1.4	2.4%	9.4%
VCB	Ngân hàng	100.2	3.3%	1.1	16,158	10.0	5,709	17.6	3.7	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.0	3.4%	1.3	7,170	4.7	2,048	20.0	2.1	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	33.3	3.1%	1.3	6,947	28.2	3,692	9.0	1.8	24.6%	20.9%
VPB	Ngân hàng	60.6	1.0%	1.2	6,468	30.3	4,626	13.1	2.7	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	27.9	2.8%	1.2	4,583	18.3	2,676	10.4	2.1	21.8%	21.6%
ACB	Ngân hàng	33.9	5.4%	1.0	3,982	12.2	3,194	10.6	2.4	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	56.5	1.8%	0.7	201	0.1	6,160	9.2	1.9	83.3%	20.3%
NTP	Nhựa	50.7	1.6%	0.4	260	0.1	3,988	12.7	2.2	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	0.0%	0.7	908	0.3	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.3	6.8%	1.1	9,199	81.0	4,056	11.7	3.2	26.7%	31.3%
HSG	Thép	35.4	6.9%	1.4	753	23.6	4,914	7.2	2.1	10.0%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	85.9	1.1%	0.7	7,806	11.8	4,682	18.3	5.7	55.0%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	155.0	0.3%	0.8	4,322	1.3	7,561	20.5	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	123.0	3.0%	0.9	6,313	9.3	1,281	96.0	8.9	33.3%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	18.5	2.8%	1.2	496	2.7	1,131	16.4	1.4	8.9%	8.7%
ACV	Vận tải	73.4	0.5%	0.8	6,947	0.2	577	127.2	4.3	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	114.5	0.4%	1.1	2,696	2.5	2,256		4.1	18.4%	8.3%
HVN	Vận tải	24.5	2.1%	1.7	1,511	0.4	(9,327)		24.1	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	42.4	1.7%	1.0	556	4.3	1,246	34.0	2.1	41.9%	6.2%
PVT	Vận tải	17.6	2.6%	1.3	247	3.2	2,281	7.7	1.1	14.7%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	113.4	-0.3%	0.9	789	0.7	8,479	13.4	4.3	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.4	0.2%	0.4	572	0.1	1,604	18.3	2.0	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	4.3%	0.9	242	0.2	1,651	8.8	1.0	2.8%	11.3%
CTD	Xây dựng	59.8	0.5%	1.0	193	0.3	3,352	17.8	0.5	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	15.9	1.6%	0.5	165	1.3	56	284.9	0.8	22.2%	0.2%
REE	Điện	51.7	1.8%	-1.4	695	1.1	5,770	9.0	1.3	49.0%	16.3%
PC1	Điện	24.7	2.1%	-0.4	205	0.1	2,371	10.4	1.2	10.2%	13.2%
POW	Điện	10.3	2.0%	0.6	1,049	3.3	1,037	9.9	0.8	3.0%	8.6%
NT2	Điện	18.6	-0.3%	0.5	233	0.3	1,093	17.0	1.3	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	32.5	6.6%	1.1	664	9.7	1,639	19.8	1.5	19.6%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	40.1	-1%	0.9	1,805	0.2			2.6	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	47.30	6.77	3.63	40.97MLN
VCB	100.20	3.30	3.21	2.39MLN
VHM	106.60	2.21	2.09	4.05MLN
GVR	30.80	5.48	1.73	4.15MLN
BID	41.00	3.40	1.47	2.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BCM	0.00	-0.17	88300	1.11MLN
APH	-0.01	-0.14	1.11MLN	607060
KDH	0.00	-0.07	3.28MLN	373600
VRE	0.00	-0.06	6.79MLN	192700
PSH	-0.01	-0.06	1.11MLN	611640

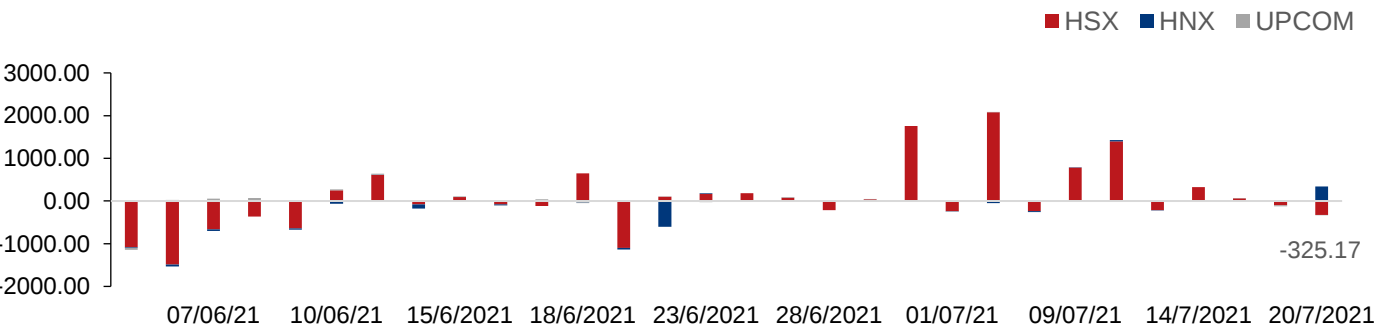
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HRC	64.20	7.00	0.03	400.00
KMR	7.37	6.97	0.01	314500
VAF	10.75	6.97	0.01	100
DRH	8.76	6.96	0.01	1.26MLN
HSG	35.40	6.95	0.31	15.91MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXI	2.93	-6.98	0.00	68000
PHC	17.50	-6.91	-0.01	457700
PSH	22.25	-6.90	-0.06	1.11MLN
SVD	7.62	-6.73	0.00	141600
MDG	10.80	-6.49	0.00	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.9	3,194	10.6	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.4	577	127.2	4.3	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.7	600	14.5	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.1	-363		0.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.2	3,834	7.1	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	33.3	3,692	9.0	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.5	1122.1	15.6	1.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.4	5,505	14.8	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	125.8	7,653	16.4	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	21.8	1,928	11.3	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.7	2,869	10.0	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	20.3	-61		1.6	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	86.8	4,103	21.2	4.7	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	30.8	1,091	28.2	2.6	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	49.2	7,082	6.9	2.3	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.3	4,056	11.7	3.2	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	35.4	4,914	7.2	2.1	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	14.6	1,651	8.8	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.5	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.5	1,639	19.8	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.9	1,946	19.0	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.6			1.8	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.7	3,258	11.0	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	61.0	5,257	11.6	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	123.0	1,281	96.0	8.9	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	164.6	9,051	18.2	4.5	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.1	4,008	9.5	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.7	2,120	12.1	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	92.0	4,974	18.5	3.6	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.3	1,037	9.9	0.8	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	17.7	0	115.3	0.5	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	22.8	1,375	16.6	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	155.0	7,561	20.5	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	18.5	1,131	16.4	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.5	15775.2	2.5	1.1	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	49.5	4,074	12.2	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.2	5,709	17.6	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	38.6	4,166	9.3	2.0	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	15.7	570	27.5	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	38.8	3,837	10.1	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	106.6	7,874	13.5	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	85.9	4,682	18.3	5.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	60.6	4,626	13.1	2.7	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	26.7	1,175	22.7	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	83.5	3,256	25.6	7.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639